TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:80/2017/HNGĐ-ST Ngày: 28-12-2017 V/v "Ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành,

Ông Trần Văn Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện D - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 339/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *87*/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017, Thông báo dời ngày xét xử ngày 19 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn C - Sinh năm: 1964, (có mặt),

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K - Sinh năm: 1963, (có mặt),

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 29/8/2017, bản tự khai ngày 05/10/2017, nguyên đơn ông Trương Văn C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị K chung sống với nhau vào năm 1985, có làm bản khai đăng ký kết hôn vào tháng 1/1985 nhưng từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, hai bên không thể khắc phục được mâu

thuẫn và không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Ông nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông và bà K có ba con chung là Trương Nữ Thị Cẩm L (*sinh ngày 19/3/1985)*, Trương Danh T – tên gọi khác là Trương Anh T (*sinh ngày 08/01/1987) và* Trương Thị M (*sinh ngày 15/4/1991).* Các con chung đều trưởng thành, khỏe mạnh nên ông không yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C xác định không có nợ chung với bà K và không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà và ông C chung sống với nhau từ năm 1985 nhưng không đăng ký kết hôn, không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2016 đến nay. Bà và ông C không thể khắc phục mâu thuẫn nên đồng ý ly hôn với ông Trương Văn C.

Về con chung: Bà K xác định có ba con chung như ông C đã trình bày, không yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà K xác định không có nợ chung với ông C và không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị K là quan hệ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị K chung sống với nhau từ năm 1985 như vợ chồng nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân chưa được xác lập nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị K là quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Văn C, bà Nguyễn Thị K không ai yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C, bà K đều xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Trương Văn C phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (quy định về án phí và lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ giữa ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị K là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí:

Ông Trương Văn C nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0018321, ngày 03/10/2017. Do đó, ông C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Tín